

Số: 200/BKHCN-KHTH

V/v: Hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2016.

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2015

BAN QUẢN LÝ KHOA HỌC CÔNG VĂN ĐẾN Số: Ngày nhận: 27/01/2015 Chuyên: <i>Phân gửi các đơn vị</i>
--

Kính gửi:

- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012; Để đảm bảo tiến độ xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2016 theo đúng các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn đã có hiệu lực, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Bộ, ngành, địa phương) xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học và công nghệ (KH&CN) năm 2016 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2014, 6 tháng đầu năm 2015, ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2015, các Bộ, ngành, địa phương xây dựng báo cáo đánh giá (có số liệu cụ thể và xây dựng các bảng biểu tại phụ lục đính kèm) theo các nội dung sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách về KH&CN

Ngày 01/01/2014, Luật KH&CN số 29/2013/QH13 có hiệu lực, Bộ KH&CN đã, đang tập trung xây dựng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo tinh thần quy định mới của Luật KH&CN. Qua quá trình thực tế triển khai các văn bản quy phạm pháp luật cũng như xây dựng, ban hành các văn bản trong lĩnh vực KH&CN thuộc thẩm quyền của Bộ, ngành, địa phương: các Bộ, ngành, địa phương cần phân tích những thuận lợi, khó khăn, những hạn chế bất cập trong quá trình áp dụng những văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực KH&CN, từ đó đề xuất những kiến nghị sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách KH&CN cho phù hợp với thực tế của Bộ, ngành, địa phương.

Bên cạnh đó, các Bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khoá XI; Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; Quyết định số 418/QĐ-TTg

ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN Quốc gia, Chiến lược quy hoạch phát triển KH&CN của các địa phương; Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập, Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/05/2007 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN, Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP, Nghị định số 80/2007/NĐ-CP của Chính phủ và đánh giá tình hình hoạt động của các tổ chức khoa học công nghệ¹.

Các Bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình xây dựng và ban hành (bao gồm sửa đổi, hoàn thiện và xây dựng mới) văn bản triển khai Luật KH&CN trong năm 2014 và 6 tháng đầu năm 2015 (liệt kê số lượng văn bản). Các kiến nghị về việc tổ chức, quản lý điều hành hoạt động KH&CN của các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện và dự kiến những cơ chế chính sách cần xây dựng trong những năm tiếp theo.

II. Đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động KH&CN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia

Đánh giá những kết quả nổi bật của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; qua đó nhận xét, đánh giá về tác động của các kết quả nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ vào đời sống, phát triển sản xuất, kinh doanh của ngành hoặc địa phương, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (số lượng các công trình nghiên cứu được công bố quốc tế, trong nước; số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích và các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp khác đã được cấp văn bằng bảo hộ; doanh thu từ các hợp đồng tư vấn, chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản trí tuệ mang lại), bao gồm:

- Kết quả nổi bật của việc tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước (KC, KX), nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp quốc gia, nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư, nhiệm vụ bảo tồn và khai thác quỹ gen, nhiệm vụ do Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia tài trợ và các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia khác.

- Kết quả nổi bật của việc tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của các Chương trình, Đề án quốc gia về KH&CN: Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao

¹Số lượng đề án thực hiện cơ chế tự chủ của các tổ chức KH&CN được phê duyệt, việc thực hiện cơ chế tự chủ về nhiệm vụ, tài chính, quản lý và sử dụng tài sản, quản lý tổ chức và nhân lực; tự chủ về hợp tác quốc tế. những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các kiến nghị; hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN: số lượng. quy mô vốn điều lệ các doanh nghiệp KH&CN đã được thành lập và đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN. việc thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi trong sử dụng đất đối với các doanh nghiệp KH&CN. những khó khăn, vướng mắc và các đề xuất kiến nghị; số lượng tổ chức đăng ký hoạt động KH&CN, hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN.

đến năm 2020, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020, Chương trình nâng cao năng suất chất lượng, sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020; Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011 - 2015; Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015; Đề án thực thi Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011 - 2015.

- Kết quả nổi bật thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của các Chương trình KH&CN cấp Quốc gia (cấp Nhà nước) được Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ, ngành chủ trì.

- Đánh giá hiệu quả và tác động của việc thực hiện các dự án KH&CN quy mô lớn vào sản xuất kinh doanh của các ngành liên quan.

2. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở

Các Bộ, ngành, địa phương đánh giá kết quả nổi bật của việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của các chương trình và nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở; các chương trình phối hợp công tác với Bộ KH&CN (nếu có). Qua đó đánh giá về tác động, đóng góp của những kết quả KH&CN nổi bật đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Các Bộ, ngành chủ quản các Phòng thí nghiệm trọng điểm Quốc gia đánh giá việc thực hiện các quy định về: tổ chức bộ máy và hoạt động của Phòng thí nghiệm trọng điểm, hoạt động của Hội đồng Phòng thí nghiệm trọng điểm, cơ chế chính sách đối với hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm; sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra từ hoạt động nghiên cứu của phòng thí nghiệm trọng điểm; những tồn tại, vướng mắc cần khắc phục và các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ và kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên cho hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm.

3. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn sự nghiệp KH&CN để tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp

Các Bộ, ngành, địa phương đánh giá kết quả thực hiện các dự án sử dụng vốn sự nghiệp KH&CN để mua sắm trang thiết bị cho các Phòng thí nghiệm, tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp các tổ chức KH&CN. Nội dung đánh giá việc thực hiện các dự án này gắn với tình hình thực tế tại cơ sở, gắn với kết quả hoạt động các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gắn với số nhân lực nghiên cứu của tổ chức khoa học và công nghệ để xác định, xây dựng các dự án mới từ năm 2016.

4. Đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ quản lý nhà nước

Các Bộ, ngành, địa phương đánh giá kết quả nổi bật, chủ yếu của các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước trong các lĩnh vực Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất

lượng, Sở hữu trí tuệ, Đánh giá-Thẩm định và Giám định công nghệ, Đổi mới công nghệ, An toàn bức xạ và hạt nhân, Thông tin và thống kê KH&CN, Hợp tác quốc tế về KH&CN, doanh nghiệp KH&CN,... tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN không thường xuyên khác ở các Bộ, ngành, địa phương. Nội dung đánh giá gắn với hoạt động quản lý nhà nước trong phạm vi được giao và trong địa bàn quản lý. Xác định được đóng góp kết quả hoạt động này trong hoạt động sự nghiệp khoa học nói chung và đóng góp vào sự phát triển kinh tế-xã hội của Bộ ngành, địa phương.

5. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN

Các Bộ, ngành, địa phương: đánh giá kết quả thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN, các dự án mua sắm trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, các dự án đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp các tổ chức KH&CN, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Chi cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học hoặc kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN; báo cáo chi tiết về tình hình phân bổ dự toán, giải ngân, khai thác sử dụng để làm căn cứ khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục thực hiện hoặc có chủ trương đầu tư cho các dự án mới.

6. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập

Các Bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của năm 2015 theo quy định của Thông tư liên tịch số 121/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập; Công văn số 4079/BKH&CN-TCCB ngày 06/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập. Từ tình hình thực tế triển khai năm 2015, các Bộ, ngành và địa phương cần đánh giá những thuận lợi, khó khăn để đề xuất, kiến nghị có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của năm 2016.

7. Đánh giá tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN năm 2014, 6 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2015

Các Bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình phân bổ và đánh giá kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN năm 2014, 6 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2015.

- Các Bộ, ngành lưu ý đánh giá tình hình sử dụng kinh phí của các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, kinh phí sự nghiệp dành cho các dự án có tính chất đầu tư tăng cường cải tạo cơ sở vật chất, mua

sắm trang thiết bị..., tình hình phân bổ và giải ngân các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN.

- Các địa phương lưu ý đánh giá tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cấp quốc gia (nếu có), kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, thành phố, kinh phí sự nghiệp dành cho các dự án có tính chất đầu tư tăng cường cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN, chi cho KH&CN cấp huyện,... tình hình phân bổ và giải ngân các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN.

8. Đánh giá hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN

Các Bộ, ngành, địa phương báo cáo về việc thành lập quỹ phát triển KH&CN, tình hình trích lập và sử dụng kinh phí, tình hình tài trợ cho các nhiệm vụ KH&CN trong năm 2014, 6 tháng đầu năm và dự kiến 6 tháng cuối năm 2015 trong đó cần tập trung vào một số nội dung như: Tình hình xây dựng mới và sửa đổi các văn bản hướng dẫn quản lý và thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ; Số lượng kinh phí đã sử dụng, còn dư chuyển năm sau; Số lượng các công trình nghiên cứu được công bố quốc tế, trong nước; Số lượng các sáng chế, giải pháp hữu ích đăng ký bảo hộ mới và các kết quả khoa học và công nghệ khác; Nêu rõ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có đóng góp nổi bật về khoa học và thực tiễn; Đánh giá hiệu quả của việc sử dụng Quỹ; những thuận lợi, khó khăn và đề xuất, kiến nghị hướng giải quyết.

Các Quỹ phát triển KH&CN của các Tập đoàn, các Tổng công ty Nhà nước báo cáo tình hình trích lập và sử dụng kinh phí, các đóng góp vào sự phát triển của tập đoàn, tổng công ty thông qua các nhiệm vụ KH&CN do quỹ tài trợ thực hiện, các kiến nghị về cơ chế, chính sách để tạo thuận lợi cho việc phát huy hiệu quả của quỹ. Các tập đoàn trực thuộc Chính phủ báo cáo trực tiếp về Bộ KH&CN, các Bộ chủ quản hướng dẫn và tổng hợp báo cáo của các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước trực thuộc vào báo cáo chung của Bộ, ngành.

III. Đánh giá chung

Các Bộ, ngành, địa phương tập trung đánh giá kết quả hoạt động KH&CN, tập trung đánh giá những kết quả nổi bật từ những hoạt động, nhiệm vụ KH&CN bắt đầu thực hiện từ năm 2011 đến nay đã có kết quả. Từ đó nhấn mạnh những đóng góp của hoạt động KH&CN vào phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương. Việc đánh giá thông qua các chỉ tiêu đã đặt ra trong Quyết định số 1244/QĐ-TTg và Quyết định số 418/QĐ-TTg nêu trên và các chỉ tiêu khác đã đề ra trong hoạt động KH&CN giai đoạn 2011-2015 của Bộ, ngành, địa phương mình. Báo cáo đánh giá cần nêu rõ kết quả thực hiện và khả năng hoàn thành kế hoạch KH&CN giai đoạn 2011-2015.

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2016

I. Nguyên tắc chung

1. Xác định tổng mức kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ

Các Bộ, ngành, địa phương dự trù tổng mức kinh phí để xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2016 dựa trên tổng mức kinh phí được cấp năm 2015 (đối với các tổ chức KH&CN công lập cần căn cứ theo chức năng và nhiệm vụ được giao để xây dựng dự toán theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch 121/TTLT-BTC-BKHCN). Trường hợp mức kinh phí dự kiến tăng, các Bộ, ngành, địa phương thuyết minh rõ lý do và sắp xếp các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên để Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, cân đối chung trong tổng thể ngân sách dành cho hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Xác định cơ cấu kinh phí cho các loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Các Bộ, ngành, địa phương xác định cơ cấu kinh phí đầu tư phát triển và sự nghiệp KH&CN với cơ cấu kinh phí dành cho các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh của năm 2016 (trong đó có tỷ lệ phù hợp giữa các đề tài, dự án nghiên cứu và các dự án tăng cường trang thiết bị chống xuống cấp sử dụng vốn sự nghiệp khoa học), đề xuất mức cơ cấu kinh phí cho các năm tiếp theo bám sát việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược KH&CN đã được phê duyệt và các nhiệm vụ theo yêu cầu của Chính phủ, các nhiệm vụ KH&CN quốc gia cấp bách có tác động lớn đến phát triển kinh tế-xã hội của đất nước hoặc có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, các đề xuất đặt hàng của các tổ chức chính trị - xã hội, các ban của Đảng; tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp Trung ương.

3. Dự toán ngân sách năm 2016 cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh.

Các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2016 ngoài phần nội dung, các bảng số liệu về kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2016 cho các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh (lưu ý nhưng nội dung được giao kinh phí trực tiếp cho Bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý) cần làm rõ thành 3 phần chính và các nhiệm vụ được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên triển khai:

Phần 1: Danh mục nhiệm vụ và mức kinh phí dành cho các nhiệm vụ chuyển tiếp thực hiện trong năm 2015.

Phần 2: Danh mục nhiệm vụ và mức kinh phí cho các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến ngày 30/6/2015.

Phần 3: Dự kiến tổng mức kinh phí cho các nhiệm vụ dự kiến mở mới sau ngày 30/6/2015 và triển khai thực hiện trong năm 2016.

II. Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia

1. Các Bộ, ngành, địa phương xác định kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia thực hiện năm 2016 theo 3 phần được hướng dẫn tại Điểm 3 Nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2016 của Phần B, mục I.

2. Hình thức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia theo hình thức đặt hàng đã được quy định tại Luật KH&CN và được hướng dẫn tại các văn bản dưới Luật.

3. Các Bộ, ngành, địa phương tổng hợp đề xuất của các tổ chức cá nhân, tổ chức hội đồng đánh giá để đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia về Bộ KH&CN. Đối với các nhiệm vụ theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các nhiệm vụ KH&CN quốc gia cấp bách có tác động lớn đến phát triển kinh tế-xã hội của đất nước hoặc có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh Quốc gia, Bộ KH&CN sẽ chủ động xây dựng nhiệm vụ KH&CN.

Đối với các chương trình KH&CN cấp Quốc gia được giao cho các Bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý, các Bộ, ngành, địa phương phối hợp với Bộ KH&CN để tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành

Đối với nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN theo Nghị định thư, ngoài việc đáp ứng yêu cầu chung, phải có căn cứ pháp lý² rõ ràng, cam kết của đối tác nước ngoài cùng hợp tác thực hiện nhiệm vụ; đảm bảo lợi ích của các bên, khai thác được thế mạnh về KH&CN và nguồn tài chính của các nước tiên tiến để giải quyết vấn đề KH&CN cấp thiết trong nước.

Đối với những nhiệm vụ do Lãnh đạo Đảng, Chính phủ giao trực tiếp cho các Bộ, ngành và địa phương, các Bộ, ngành, địa phương chủ động tổ chức thực hiện như nhiệm vụ cấp bộ, cấp tỉnh. Trường hợp vượt quá khả năng giải quyết của Bộ, ngành và địa phương, đề nghị báo cáo lãnh đạo Đảng, Chính phủ giao cho Bộ KH&CN xem xét hình thành nhiệm vụ cấp quốc gia và tổ chức thực hiện.

III. Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở

1. Các Bộ, ngành, địa phương xác định kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở thực hiện trong năm 2016 theo 3 phần được hướng dẫn tại Điểm 3 Nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2016 của Phần B, mục I.

2. Hình thức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh theo hình thức đặt hàng đã được quy định tại Luật KH&CN và được hướng dẫn tại các văn bản dưới Luật.

IV. Các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp

Các Bộ, ngành, địa phương xác định chi tiết nhu cầu kinh phí các dự án chuyên tiếp thực hiện sang năm 2016.

Các dự án mới cần được thẩm định và phê duyệt sau khi có ý kiến của Hội đồng KH&CN cấp Bộ, tỉnh, thành phố. Nguyên tắc để xác định các dự án mới

²Kết quả đàm phán hoặc cam kết của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước với đối tác nước ngoài (song phương hoặc đa phương) liên quan đến KH&CN; các nhiệm vụ hợp tác quốc tế được thỏa thuận trong các phiên họp của Ủy ban, tiểu ban hỗn hợp về hợp tác KH&CN với các nước, hoặc đã được các Bộ với các nước đối tác.

gắn với nhu cầu cấp thiết cần cải tạo, nâng cấp chống xuống cấp hoặc cần thiết gắn với nhiệm vụ KH&CN được giao để hoàn thành nhiệm vụ.

Vào thời điểm các Bộ, ngành, địa phương làm việc với Bộ KH&CN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2016 (tháng 6-7/2015), Bộ, ngành, địa phương phải có thuyết minh về các dự án có liên quan và thể hiện các dự án đó trong kế hoạch KH&CN năm 2016 của Bộ, ngành, địa phương (kèm Quyết định phê duyệt dự án).

V. Các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN

Các Bộ, ngành, địa phương xác định chi tiết nhu cầu kinh phí các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN để cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hoặc đầu tư xây dựng cơ bản cho các phòng thí nghiệm, các tổ chức nghiên cứu - phát triển chuyển tiếp sang năm 2016. Căn cứ quy hoạch phát triển ngành hoặc lĩnh vực đã được phê duyệt, các Bộ, ngành, địa phương cần rà soát lại và đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các dự án xây dựng cơ bản cho KH&CN. Các Bộ, ngành, địa phương có nhu cầu tiếp tục cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, đầu tư chiều sâu cho các phòng thí nghiệm hoặc đầu tư cho các tổ chức nghiên cứu - phát triển thì hướng dẫn các đơn vị trực thuộc tiến hành điều tra, khảo sát, xây dựng dự án, thẩm định, phê duyệt theo các quy định hiện hành về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản đảm bảo nguyên tắc: đối tượng đầu tư phải là tổ chức KH&CN có đăng ký hoạt động KH&CN; dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch, chiến lược, định hướng phát triển KH&CN của ngành, lĩnh vực và địa phương hoặc phục vụ cho việc triển khai thực hiện các nội dung thuộc các chương trình Quốc gia về KH&CN do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tránh đầu tư chồng chéo, dàn trải, không hiệu quả.

Nguyên tắc đề xuất của các Bộ, ngành, địa phương về các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển phải gắn với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao cụ thể hoặc chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt trong đó xác định được nhu cầu cần triển khai dự án. Ngoài ra, dự án cần được xem xét cụ thể với năng lực cán bộ nghiên cứu hiện có để khi triển khai dự án có đủ nhiệm vụ và cán bộ cần thiết đảm bảo dự án đi vào hoạt động hiệu quả.

Các Bộ, ngành, địa phương tổng hợp các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN (theo mẫu tại Phụ lục) gửi về Bộ KH&CN để Bộ KH&CN xem xét, tổng hợp và đề xuất phân bổ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

VI. Xây dựng kế hoạch các hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN

Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ nhu cầu thực tế để xây dựng và đưa vào kế hoạch năm 2016 các nhiệm vụ:

- Công tác thông tin và thống kê liên quan đến hoạt động KH&CN (triển khai Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 về hoạt động thông tin KH&CN và Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN).

- Xác lập, khai thác quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu khoa học; hỗ trợ tạo lập, khai thác, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương.

- Chợ thiết bị và công nghệ (Techmart), sàn giao dịch công nghệ, kết nối cung cầu.

- Các nhiệm vụ không thường xuyên, nhiệm vụ phát sinh và những biến động trong năm 2016 về tổ chức, biên chế hoặc những nhiệm vụ đột xuất do cấp trên giao cần xây dựng thuyết minh chi tiết.

- Công tác xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện pháp luật về KH&CN.

- Công tác quản lý thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thực hiện trên địa bàn.

- Công tác thanh tra KH&CN.

- Nhiệm vụ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn.

VII. Dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN năm 2016

Các Bộ, ngành, địa phương lập dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN năm 2016 ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các dự án chuyển tiếp sang năm 2016. Khi lập dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN của địa phương, ưu tiên kinh phí sự nghiệp khoa học để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, ưu tiên các dự án sản xuất thử nghiệm là kết quả nghiên cứu ứng dụng. Dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN của các Bộ, ngành và địa phương bao gồm: chi hoạt động thường xuyên theo chức năng; chi thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước; chi thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp; chi đầu tư phát triển cho KH&CN. Việc lập dự toán được tiến hành như sau:

1. Đối với dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động thường xuyên theo chức năng thực hiện theo các quy định hiện hành và Thông tư liên tịch số 121/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập; Công văn số 4079/BKH&CN-TCCB ngày 06/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập.

2. Đối với dự toán chi ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ KH&CN: Kinh phí được cấp thông qua Quỹ phát triển KH&CN của Bộ, ngành, địa phương trong trường hợp đã thành lập Quỹ. Trường hợp các Bộ, ngành, địa phương chưa thành lập Quỹ, kinh phí được cấp như năm 2015 thông qua đơn vị dự toán cấp I.

Các Bộ, ngành, địa phương xác định dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ chuyển tiếp sang năm 2016; Danh mục nhiệm vụ và dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ

vụ KH&CN bắt đầu thực hiện trong năm 2016 đã được phê duyệt kinh phí đến tháng 6 năm 2015; Nhu cầu kinh phí dành cho các nhiệm vụ KH&CN để thực hiện đến hết năm 2016 để xác định tổng kinh phí cần thiết thực hiện cho các nhiệm vụ KH&CN năm 2016. Các Bộ, ngành, địa phương cần lưu ý làm rõ các kinh phí các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia được ủy quyền trực tiếp quản lý và được chuyển tiếp thực hiện sang năm 2016.

3. Đối với dự toán chi ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN được lập dự toán theo quy định hiện hành.

Kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN của các tỉnh, thành phố được sử dụng để chi cho các nội dung xây dựng và phát triển tiềm lực KH&CN, tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước về KH&CN (quản lý nhà nước về Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng, Kiểm soát an toàn bức xạ và hạt nhân v.v...), Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm tin học và thông tin KH&CN, Thư viện điện tử, Phòng thí nghiệm, Trung tâm công nghệ sinh học, Trạm trại thực nghiệm để triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN hoặc chuyển giao công nghệ. Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, các dự án đầu tư phát triển tiềm lực cho các Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN và Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng để thực hiện kết thúc giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

VIII. Một số lưu ý đối với kế hoạch KH&CN năm 2016

1. Đối với các Bộ, ngành được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì tổ chức thực hiện các Chương trình KH&CN cấp Quốc gia cần phối hợp với Bộ KH&CN xác định tổng mức (hạn mức) kinh phí, tổng hợp vào kế hoạch và dự toán ngân sách của Bộ, ngành liên quan gửi Bộ KH&CN để làm căn cứ phối hợp với Bộ Tài chính xem xét bố trí kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2016.

2. Nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN phải bao gồm cả kế hoạch và dự toán vốn đầu tư phát triển cho KH&CN phù hợp với nội dung kế hoạch và tổng dự toán ngân sách năm 2016 của Bộ, ngành, địa phương.

3. Các nhiệm vụ KH&CN của Bộ, ngành, địa phương nên tổ chức theo các chương trình để tập trung giải quyết các mục tiêu, nội dung và sản phẩm cụ thể, không dàn trải.

IX. Tiến độ triển khai xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước chi hoạt động KH&CN năm 2016

Trước ngày 30 tháng 6 năm 2015, các Bộ, ngành, địa phương gửi Kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN năm 2016 của Bộ, ngành, địa phương (02 bản) đến Bộ KH&CN (*file mềm xin gửi về hộp thư của Vụ KHTH theo địa chỉ: khth@most.gov.vn*). Trường hợp gửi chậm sau ngày 30/06/2015, Bộ KH&CN sẽ đề xuất với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

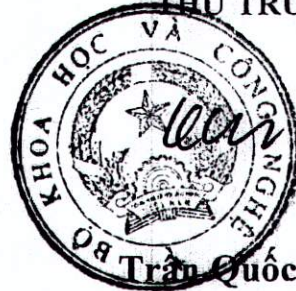
không phân bổ ngân sách cho những dự án của Bộ, ngành, địa phương báo cáo kế hoạch KH&CN chậm.

Bộ KH&CN hướng dẫn nội dung kế hoạch KH&CN năm 2016 như trên để các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Ban Chủ nhiệm Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Quốc gia;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&CN;
- Lưu VT, Vụ KHTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Khánh

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRONG 3 NĂM GẦN ĐÂY (Năm 2013, 2014 và 6 tháng đầu năm 2015)

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách ISI</i>
1				
2				
...				
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			<i>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)</i>
1				
2				
...				
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			<i>Tên doanh nghiệp, địa chỉ, giấy phép kinh doanh,...</i>
1				
2				
...				
IV	Kết quả khác			<i>Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả</i>
1				
...				

Bộ
 UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK2

THỐNG KÊ NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu – phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN	Nhân lực hiện có đến 30/6/2015						Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (tr.đ)	Ghi chú *
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH				Kỹ thuật viên		
				Tổng số	Cán bộ nghiên cứu					
					Nghiên cứu viên cao cấp và tương đương	Nghiên cứu viên chính và tương đương	Nghiên cứu viên và tương đương			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
I	Các đơn vị do cấp Bộ, ngành, địa phương quyết định thành lập									
1										
2										
...										
II	Các đơn vị do cấp khác thành lập được giao cho Bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý									
1										
2										
...										
	Tổng số									

UBND tỉnh, thành phố....

**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN
NĂM 2014 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Công tác quản lý KH&CN			
1	Thẩm định dự án đầu tư	DA		
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HĐ		
3	Giám định công nghệ	CN		
II	Công tác an toàn bức xạ hạt nhân			
1	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở		
2	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép		
III	Công tác Sở hữu trí tuệ			
1	Số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ	Đơn		
2	Số văn bằng được cấp	Văn bằng		
IV	Công tác thông tin KH&CN			
1	Số ấn phẩm thông tin phát hành (Số loại ấn phẩm phát hành, tổng số lượng phát hành, số phút, số trang được đăng tải trên các phương tiện thông tin truyền thông)	Ấn phẩm		
2	Số kết quả nghiên cứu KH&CN đã giao nộp			
3	Kết quả khác			
V	Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện		
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được ban hành	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được ban hành	Quy chuẩn		
4	Số doanh nghiệp, đơn vị hành chính nhà nước được cấp/gia hạn chứng chỉ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO	DN, đơn vị		
VI	Công tác thanh tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc		
2	Số lượt đơn vị được thanh tra	Đơn vị		
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý	Vụ		
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ		

Bộ

Phụ lục 2

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA
GIAO CHO BỘ NGÀNH QUẢN LÝ NĂM 2016**

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên Chương trình/tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện		Kinh phí			Ghi chú
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	KP hỗ trợ từ NSNN		
						Tổng	Đã cấp đến hết năm 2015	
A	Chuyên tiếp sang 2016							
I	Tên Chương trình							
1	Nhiệm vụ							
2	Nhiệm vụ							
II	Tên Chương trình							
1	Nhiệm vụ							
...								
	Tổng số							
B	Nhiệm vụ mới thực hiện từ 2016							(Ghi rõ nhiệm vụ đã có quyết định, nhiệm vụ chưa có quyết định phê duyệt kinh phí)
I	Tên Chương trình							
1	Nhiệm vụ							
2	Nhiệm vụ							
II	Tên Chương trình							
1	Nhiệm vụ							
...								
	Tổng số							

Bộ
 UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 3

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH/NHIỆM VỤ
 KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, TỈNH NĂM 2016**

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên Chương trình/tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện		Kinh phí			Ghi chú
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	KP hỗ trợ từ NSNN		
						Tổng	Đã cấp đến hết năm 2015	
A	Chuyển tiếp sang 2016							
I	Tên Chương trình cấp Bộ, Tỉnh							
1	Nhiệm vụ 1							
2	Nhiệm vụ 2							
II	Nhiệm vụ							
1	Nhiệm vụ 1							
...								
	Tổng số							
B	Nhiệm vụ mới thực hiện từ 2016							(Ghi rõ nhiệm vụ đã có quyết định, nhiệm vụ chưa có quyết định phê duyệt kinh phí)
I	Tên Chương trình cấp Bộ, Tỉnh							
1	Nhiệm vụ 1							
2	Nhiệm vụ 2							
II	Nhiệm vụ							
1	Nhiệm vụ 1							
...								
	Tổng số							

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN NĂM 2016

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên Dự án/ công trình	Cơ sở pháp lý (QĐ phê duyet)	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện		Kinh phí		
					Khởi công	Hoàn thành	Tổng vốn đầu tư được duyệt	Kinh phí được phân bổ lũy kế hết năm 2015	Kế hoạch vốn năm 2016
I	Dự án chuyển tiếp								
1									
2									
...									
II	Dự án mới								
1									
....									

DỰ KIẾN KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2016

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ CẤP NĂM 2015	DỰ KIẾN KINH PHÍ NĂM 2016
A	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia (các nhiệm vụ được tiếp tục giao kinh phí về Bộ, ngành quản lý)	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Đề tài KH&CN cấp Quốc gia		
2	Dự án SXTN cấp Quốc gia		
3	Nhiệm vụ hợp tác theo Nghị định thư		
4	Nhiệm vụ KH&CN về Quỹ gen		
5	Các chương trình cấp Nhà nước theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ		
5.1	Chương trình 1		
5.2	Chương trình 2		
....			
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ		
3	Các hoạt động KH&CN khác		
3.1			
3.2			
...			
4	Các dự án có tính chất đặc biệt		
4.1			
4.2			
...			
B	Kinh phí đầu tư phát triển	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Dự án 1		
2	Dự án 2		
...			
	Tổng số		

DỰ KIẾN KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2016

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TW THÔNG BÁO NĂM 2015	KINH PHÍ UBND TỈNH, TP PHÊ DUYỆT 2015	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2015	KINH PHÍ DỰ KIẾN NĂM 2016
I	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyển tiếp sang năm 2016 cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)				
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
3	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước				
	Hoạt động Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng				
	Sở hữu trí tuệ				
	Thông tin và thống kê KH&CN				
	An toàn bức xạ và hạt nhân				
	Đào tạo, tập huấn				
	Quản lý công nghệ				
	Thanh tra KH&CN				
	Hợp tác quốc tế				
4	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện				
5	Chi các đơn vị sự nghiệp				
6	Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp				
6	Chi khác				
II	Kinh phí đầu tư phát triển	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Dự án A				
2	Dự án B				
...					
	Tổng số	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH /ĐỀ ÁN QUỐC GIA VỀ KH&CN
ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT**

Số TT	Tên Chương trình/ Đề án	Số QĐ, ngày
1	Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020	712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010
2	Quy định áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000/2008 vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước	144/2006/QĐ-TTg ngày 20/06/2006 và 118/2009/QĐ-TTg ngày 30/09/2009
3	Đề án hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Đề án TBT giai đoạn 2011-2015)	682/QĐ-TTg ngày 10/5/2011
4	Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015	1831/QĐ-TTg ngày 01/10/2010
5	Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015	2204/QĐ-TTg ngày 06/12/2010
6	Chương trình phát triển sản phẩm Quốc gia đến năm 2020	2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010
7	Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020	2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010
8	Chương trình đổi mới công nghệ Quốc gia đến năm 2020	677/QĐ-TTg ngày 10/5/2011
9	Đề án Hội nhập Quốc tế về khoa học và công nghệ	735/QĐ-TTg ngày 22/5/2011
10	Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	592/QĐ-TTg ngày 22/5/2012
11	Chương trình Phát triển thị trường KH&CN đến năm 2020	2075/QĐ-TTg ngày 08/11/2013
12	Các nhiệm vụ KH&CN khác: Nhiệm vụ KH&CN hợp tác theo Nghị định thư; Nhiệm vụ KH&CN độc lập (đề tài, dự án KH&CN); Các chương trình KH&CN được phê duyệt năm 2015.	

Lưu ý: Thông tin chi tiết về các Chương trình xem trên website của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN.

DANH MỤC
CÁC CHƯƠNG TRÌNH /ĐỀ ÁN KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC ĐƯỢC THỦ
TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO BỘ, NGÀNH TRỰC TIẾP QUẢN LÝ

Số TT	Tên Chương trình/ Đề án	Số Quyết định
I	Bộ Công thương	
1	Hệ thống các Đề án, dự án để thực hiện nhiệm vụ: “Phát triển ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong công nghiệp”	01/2006/QĐ-TTg ngày 03/01/2006
2	Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020	14/2007/QĐ-TTg ngày 25/01/2007
3	Chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ trọng điểm quốc gia phát triển công nghiệp hoá được đến năm 2020	61/2007/QĐ-TTg ngày 07/5/2007
4	Đề án phát triển nhiên liệu sinh học đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025	177/2007/QĐ-TTg ngày 20/11/2007
5	Đổi mới và hiện đại hoá công nghiệp trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025	159/2008/QĐ-TTg ngày 04/12/2008
6	Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025	1030/QĐ-TTg ngày 20/7/2009
II	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020	11/2006/QĐ-TTg ngày 12/01/2006
2	Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực Thủy sản	97/2007/QĐ-TTg ngày 29/6/2007
3	Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015	27/QĐ-TTg ngày 05/01/2012
III	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu	2630/QĐ-BKHCN ngày 29/8/2011
	Chương trình nghiên cứu khắc phục hậu quả lâu dài của chất da cam/dioxin	
IV	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	
1	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên (Chương trình Tây Nguyên 3)	2632/QĐ-BKHCN ngày 29/8/2011
2	Chương trình khoa học và công nghệ độc lập cấp nhà nước về công nghệ vũ trụ giai đoạn 2012-2015	2312/QĐ-KHCN ngày 29/8/2012

V	Đại học Quốc gia Hà Nội	
	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc	1746/QĐ-BKH-CN ngày 28/6/2013
VI	Viện Hàn lâm Khoa học và xã hội Việt Nam, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	
	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	